



Phụ lục I

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ THIÊN TAI CHO CÔNG TRÌNH HẠ DU ĐẬP THỦY ĐIỆN THUỘC THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

*(Kèm theo Nghị định số 139/2025/NĐ-CP
ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)*

1. Chủ đầu tư xây dựng đập, hồ chứa nước đề nghị phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt hạng mục nhà máy thủy điện. Hồ sơ bao gồm:

- a) Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập;
- b) Dự thảo phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập;
- c) Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật;
- d) Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan;
- đ) Các tài liệu khác liên quan kèm theo (nếu có).

2. Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt phương án ứng phó thiên tai đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn 01 xã. Đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên và theo điểm c khoản 5 Điều 7 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án ứng phó thiên tai.

Trình tự, thủ tục phê duyệt phương án ứng phó thiên tai đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập do cấp tỉnh thực hiện theo quy định của khoản này thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt phương án để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định;

4. Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, xem xét phê duyệt phương án; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp xã trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản.



Phụ lục II
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP, CẤP LẠI, SỬA ĐỔI,
BỔ SUNG GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ
(Kèm theo Nghị định số 139/2025/NĐ-CP
ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)

I. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ

1. Điều kiện cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá:

- a) Thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;
- b) Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012.

2. Thương nhân đủ điều kiện cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá lập 02 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 27 của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP, 01 bộ gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt trụ sở chính, thương nhân lưu 01 bộ. Hồ sơ bao gồm:

- a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá;
- b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;
- c) Bản sao các văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh.

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xem xét, kiểm tra, thẩm định và cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung hồ sơ.

II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP LẠI GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ

1. Đối với trường hợp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp hết thời hạn hiệu lực, trước thời điểm hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày, thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá nộp hồ sơ xin cấp lại giấy phép trong trường hợp tiếp tục kinh doanh đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt trụ sở chính. Hồ sơ, trình tự thủ tục cấp lại như đối với trường hợp cấp mới.

2. Trường hợp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy, thương nhân được cấp phép phải lập, nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại tới Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm:

- a) Văn bản đề nghị cấp lại;
- b) Bản sao Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (nếu có).

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét và cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. Trường hợp tổ chức, cá nhân không đáp ứng được điều kiện theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp phép sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

III. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ

1. Trường hợp có thay đổi các nội dung của Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, tổ chức, cá nhân phải lập, nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt trụ sở chính. Hồ sơ gồm:

- a) Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung;
- b) Bản sao Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp;
- c) Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. Trường hợp tổ chức, cá nhân không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.



Phụ lục III
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP, CẤP LẠI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP SẢN XUẤT RƯỢU THỦ CÔNG
NHẪM MỤC ĐÍCH KINH DOANH
(Kèm theo Nghị định số 139/2025/NĐ-CP
ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)

I. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP SẢN XUẤT RƯỢU THỦ CÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH KINH DOANH

1. Thương nhân đủ điều kiện quy định tại Điều 9 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thương nhân đặt cơ sở sản xuất. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP;

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh;

c) Bản sao Bản công bố sản phẩm rượu hoặc bản sao Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm (đối với rượu chưa có quy chuẩn kỹ thuật); bản sao Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, trừ trường hợp đối với cơ sở thuộc loại kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ theo quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm;

d) Bản liệt kê tên hàng hóa rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa rượu mà tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc dự kiến sản xuất.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, thẩm định và cấp giấy phép cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã phải có văn bản yêu cầu bổ sung.

II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP LẠI GIẤY PHÉP SẢN XUẤT RƯỢU THỦ CÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH KINH DOANH

1. Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực

Thương nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thương nhân đặt cơ sở sản xuất trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày. Hồ sơ, thẩm quyền, thủ tục cấp lại đối với quy định lại khoản này áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới.

2. Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng

a) Thương nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thương nhân đặt cơ sở sản xuất. Hồ sơ bao gồm: Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP và bản gốc hoặc bản sao giấy phép đã cấp (nếu có);

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào hồ sơ đã lưu và hồ sơ đề nghị cấp lại của thương nhân để xem xét và cấp lại giấy phép theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP. Thời hạn của giấy phép được giữ nguyên như cũ.

Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã phải có văn bản yêu cầu bổ sung. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

III. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP SẢN XUẤT RƯỢU THỦ CÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH KINH DOANH

1. Trường hợp có thay đổi các nội dung của giấy phép, thương nhân phải nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thương nhân đặt cơ sở sản xuất.

2. Hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP;

b) Bản sao giấy phép đã được cấp;

c) Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP. Trường hợp từ chối cấp sửa đổi, bổ sung phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã sửa đổi, bổ sung giấy phép phải có văn bản yêu cầu bổ sung.

Phụ lục IV
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP, CẤP LẠI, SỬA ĐỔI,
BỔ SUNG GIẤY PHÉP BÁN LẺ RƯỢU
(Kèm theo Nghị định số 139/2025/NĐ-CP
ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)

I. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP BÁN LẺ RƯỢU

1. Điều kiện bán lẻ rượu

- a) Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật;
- b) Có quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng;
- c) Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu.

2. Thương nhân đủ điều kiện bán lẻ rượu nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thương nhân đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm:

- a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ rượu theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP;
- b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh;
- c) Bản sao hợp đồng thuê/mượn hoặc tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp cơ sở dự kiến làm địa điểm bán lẻ;
- d) Bản sao văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, thẩm định và cấp giấy phép cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã phải có văn bản yêu cầu bổ sung.

II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP LẠI GIẤY PHÉP BÁN LẺ RƯỢU

1. Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực

Thương nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thương nhân đặt trụ sở chính trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày. Hồ sơ, thẩm quyền, thủ tục cấp lại đối với quy định tại khoản này áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới.

2. Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng

a) Thương nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thương nhân đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm: Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP và bản gốc hoặc bản sao giấy phép đã cấp (nếu có);

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào hồ sơ đã lưu và hồ sơ đề nghị cấp lại của thương nhân để xem xét và cấp lại giấy phép theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP. Thời hạn của giấy phép được giữ nguyên như cũ.

Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã phải có văn bản yêu cầu bổ sung. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

III. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP BÁN LẺ RƯỢU

1. Trường hợp có thay đổi các nội dung của giấy phép, thương nhân phải nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thương nhân đặt trụ sở chính.

2. Hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP;

b) Bản sao giấy phép đã được cấp;

c) Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP. Trường hợp từ chối cấp sửa đổi, bổ sung phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã sửa đổi, bổ sung giấy phép phải có văn bản yêu cầu bổ sung.



Phụ lục V

**TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP, CẤP LẠI, ĐIỀU CHỈNH
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN CỦA HÀNG BÁN LẺ LPG CHAI**
(Kèm theo Nghị định số 139/2025/NĐ-CP
ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)

I. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN CỦA HÀNG BÁN LẺ LPG CHAI

1. Thương nhân đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 10 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện của hàng bán lẻ LPG chai trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt địa điểm kinh doanh.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện của hàng bán lẻ LPG chai bao gồm:

a) Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện của hàng bán lẻ LPG chai theo Mẫu số 05 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP;

b) Bản sao hợp đồng bán LPG chai với thương nhân có giấy chứng nhận đủ điều kiện còn hiệu lực;

c) Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy.

3. Trường hợp thương nhân chưa đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.

4. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Thương nhân khi nộp hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện phải nộp phí thẩm định điều kiện kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực thương mại theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.

6. Giấy chứng nhận đủ điều kiện có thời hạn hiệu lực là 10 năm kể từ ngày cấp mới.

II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN CỦA HÀNG BÁN LẺ LPG CHAI

1. Trong trường hợp cần cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện của hàng bán lẻ LPG chai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 45 Nghị định 87/2018/NĐ-CP, thương nhân gửi Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt địa điểm kinh doanh.

2. Trên cơ sở kiểm tra hồ sơ cấp Giấy chứng nhận được lưu, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã cấp lại Giấy chứng nhận. Nội dung, thời hạn Giấy chứng nhận cấp lại không thay đổi. Giấy chứng nhận cấp lại phải có quy định hủy bỏ hiệu lực của Giấy chứng nhận bị mất, sai sót, hư hỏng.

III. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN CỦA HÀNG BÁN LẺ LPG CHAI

1. Trong trường hợp cần điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện của hàng bán lẻ LPG chai theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 45 Nghị định 87/2018/NĐ-CP, thương nhân gửi Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP và giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt địa điểm kinh doanh.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận. Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận không thay đổi.